

TRƯỜNG ĐẢNG - NƠI TÔI HIỂU SÂU SẮC HƠN VỀ HAI TỪ “ĐỒNG CHÍ”

PGS, TS. ĐẶNG QUANG ĐỊNH^(*)

Tóm tắt: Trường Đảng - cái nôi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trung - cao cấp, cán bộ khoa học lý luận của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội; là trường học quốc tế xã hội chủ nghĩa của những người cách mạng - nơi đào tạo ra những con người mang tinh thần đồng chí.

Từ khóa: Trường Đảng; chủ nghĩa xã hội; con người xã hội chủ nghĩa; đồng chí

Khi còn nhỏ, tôi đã nghe người lớn gọi nhau bằng “đồng chí”. Tuy nhiên, lúc đó tôi chưa thể hiểu ý nghĩa của hai từ này. Đến khi ngồi trên ghế nhà trường phổ thông, được học bài thơ *Đồng chí* của nhà thơ Chính Hữu, hay *Những đồng chí chúng ta* của Chế Lan Viên và nhiều bài thơ khác, tôi mới biết ít nhiều về hai từ thiêng liêng này. Tôi chỉ thực sự cảm nhận sâu sắc ý nghĩa của hai từ *đồng chí* khi về công tác tại Trường Đảng, được học tập, nghiên cứu và trải nghiệm từ chính ngôi trường này.

Đồng chí là từ Hán Việt, thường được dùng như một đại từ nhân xưng trong tiếng Việt để gọi và xưng hô với những người cùng tổ chức, cùng lý tưởng, cùng đội ngũ. Danh từ “đồng chí” chỉ những người có cùng chí hướng chính trị. Khi lý tưởng cộng sản chủ nghĩa ra đời, nhất là khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, danh từ này được dùng để gọi giữa những đảng viên Đảng Cộng sản theo lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Theo nghĩa chung nhất, *đồng chí* là từ được dùng để nói đến những người có chung lý tưởng, khát vọng, mục đích sống và chí hướng với nhau.

Lý tưởng, khát vọng là những điều mong muốn lớn lao mà mỗi con người hướng tới để làm cho cuộc sống của mình, cộng đồng, dân tộc

tốt đẹp hơn. Khi nói lên những mong muốn ấy, trong bài luận văn tốt nghiệp trường trung học (tháng 8/1835), với tựa đề *Những suy nghĩ của một thanh niên khi chọn nghề*, C.Mác đã viết: “Nếu con người làm việc chỉ vì bản thân mình thì may ra có thể trở thành một nhà bác học nổi tiếng, một nhà thông thái vĩ đại, một nhà thơ ưu tú, nhưng không bao giờ có thể trở thành con người thực sự hoàn thiện và vĩ đại. Nếu ta chọn một nghề trong đó ta có thể làm việc được nhiều hơn cho nhân loại, thì ta sẽ không còng lưng dưới gánh nặng của nó, bởi vì đó là sự hy sinh vì mọi người⁽¹⁾”. Những suy nghĩ của C.Mác đã được ông xây dựng thành lý tưởng cho nhân loại thông qua hệ thống lý luận, qua đó chỉ ra con đường giải phóng cho những người cách mạng.

Lý tưởng, khát vọng của nhân loại ở thời đại ngày nay được Chủ nghĩa Mác - Lênin nêu ra là lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa hướng đến một xã hội giải phóng triệt để và phát triển toàn diện con người; con người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, hạnh phúc và tự do; xã hội mà ở đó sự phát triển tự do của mỗi người là tiền đề cho sự tự do của mọi người.

Lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa được các nhà kinh điển của

^(*)Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa Mác - Lênin khái quát thành hệ thống lí luận hoàn chỉnh, khoa học. Lí luận đó là “khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội; khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột; khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản”⁽²⁾. Lí luận đó là kim chỉ nam hướng dẫn, định hướng cho phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Hồ Chí Minh khẳng định, “Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cẩm nang” thần kì, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”⁽³⁾.

Lí luận đó làm cho quần chúng giác ngộ, bày cho quần chúng tổ chức, đấu tranh cho đúng. Nhờ lí luận đó mà quần chúng hiểu rõ nguyên nhân vì sao mà cực khổ, thấy rõ đường lối đấu tranh để giải phóng mình, hiểu rõ phương pháp đấu tranh với địch. Lí luận góp phần tập hợp sức mạnh của quần chúng, qua đó quần chúng phát triển được tài năng và lực lượng vô tận của mình. Nói cách khác, lí luận đó đã “phát huy được đầy đủ tính sáng tạo của hàng triệu quần chúng nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người”⁽⁴⁾. Tổ chức đó, sức mạnh đó là sức mạnh của những người đồng chí.

Về điều này, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, cách mạng “không phải chỉ nghiên cứu động cơ của cá nhân riêng lẻ, dù đó là cá nhân xuất sắc đi nữa, mà là nghiên cứu động cơ đã lay chuyển những khối quần chúng đông đảo, những dân tộc trọn vẹn; rồi đến những giai cấp trọn vẹn trong mỗi dân tộc; những động cơ đã đẩy họ không phải đến chỗ tiến hành những cuộc nổi dậy nhất thời theo kiểu “lừa rom chóng tắt”, mà đến chỗ tiến hành những hành động lâu dài đưa đến những biến đổi lịch sử vĩ đại”⁽⁵⁾.

Như vậy, *đồng chí* là những con người có cùng chung lí tưởng và khát vọng sống. Họ tập hợp thành những lực lượng vô tận, to lớn, có khả năng tạo ra những chuyển biến vĩ đại, thay đổi cuộc sống vì những điều tốt đẹp hơn.

Theo tư tưởng của các nhà kinh điển Chủ nghĩa Mác - Lênin, *đồng chí* không chỉ là những người trong một nước có chung lí tưởng, mà tình đồng chí còn trên phạm vi quốc tế, được xây dựng trên cơ sở của sự đoàn kết quốc tế trong sáng.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận giải sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân xuất phát từ chính tinh thần đồng chí ấy. Các ông cho rằng, chính vì bị đẩy xuống đáy tận cùng của các tầng xã hội, giai cấp công nhân trở thành nơi hội tụ của những nguyện vọng được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột mà tất cả những người lao động có thể gửi gắm, ủy thác. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng xã hội. Giai cấp công nhân có quyền nhân danh lợi ích toàn xã hội để đứng ra tập hợp các giai cấp, các tầng lớp bị áp bức, bóc lột, những phần tử tiến tiến trong cuộc đấu tranh đó.

Để thực hiện sứ mệnh lịch sử đòi hỏi giai cấp công nhân phải có sự thống nhất, đoàn kết, có tính quốc tế. C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân không ngừng tăng lên cùng với sự phát triển ngày càng nhanh của nền đại công nghiệp. Với sự phát triển đó, giai cấp cũng thể hiện tính quốc tế cao. Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân không chỉ xuất phát từ nội dung mang tính quốc tế của cuộc đấu tranh, của sứ mệnh lịch sử, mà còn là tất yếu bởi điều kiện kinh tế trong chủ nghĩa tư bản đã xã hội hóa cao, đã quốc tế hóa và bởi yếu tố chính trị là sự liên kết quốc tế của giai cấp tư sản. Do đó, C.Mác khẳng định rằng, chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân không chỉ được thể hiện bằng tinh thần, lời nói “tinh hữu nghị”, mà phải “còn những chức năng quốc tế” tức là phải có sự phối hợp hành động (thực tế⁽⁶⁾), phải thực hiện “vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!”.

Ngay từ những thập niên đầu của thế kỉ XX, Hồ Chí Minh đã nhận rõ một quốc gia - dân tộc muốn có sức mạnh phải thoát khỏi tình trạng biệt

lập, phải mở cửa, tăng cường hợp tác với bên ngoài; tình trạng “bê quan tòa cứng” chỉ làm đất nước suy yếu và đưa đến những hậu quả chính trị nghiêm trọng. Năm 1924, trong thư gửi đồng chí Pétơrốp - Tổng Thư ký Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản, Người viết: “nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự biệt lập. Không giống như các dân tộc phương Tây, các dân tộc phương Đông không có những quan hệ và tiếp xúc giữa các lục địa với nhau. Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ thiếu sự tin cậy lẫn nhau, sự phối hợp hành động và sự cố vũ lẫn nhau”⁽⁷⁾.

Vì vậy, một trong những bài học kinh nghiệm đầu tiên được Hồ Chí Minh tổng kết từ thực tiễn cuộc cách mạng trên thế giới là bài học về sự đoàn kết giữa các dân tộc nhỏ yếu, lạc hậu, bị áp bức để tạo nên sức mạnh chống đế quốc, thực dân. Người cho rằng: “Thời đại của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn cũng là thời đại một nhóm nước lớn do bọn tư bản tài chính cầm đầu thống trị các nước phụ thuộc và nửa phụ thuộc, bởi vậy công cuộc giải phóng các nước và các dân tộc bị áp bức là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng vô sản. Do đó mà trước hết nảy ra khả năng và sự cần thiết phải có liên minh chiến đấu chặt chẽ giữa các dân tộc thuộc địa với giai cấp vô sản của các nước đế quốc để thắng kẻ thù chung”⁽⁸⁾. Khi chủ nghĩa thực dân đế quốc đã trở thành hệ thống thế giới, Người đã chỉ ra quyết sách: “Chúng ta cách mệnh thì cũng phải liên lạc tất cả những đảng cách mệnh trong thế giới để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa”⁽⁹⁾.

Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận: “cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trên thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả”⁽¹⁰⁾. Tư tưởng của Người thể hiện hai nội dung quan trọng: *Một là*, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, không chỉ thu hẹp ở phương Đông; *Hai là*, tinh thần đoàn kết không bị giới hạn bởi châu Á hay châu Âu, bởi da vàng hay da trắng như luận điệu tuyên truyền của thuyết Đại Đông Á thời đó. Chính từ đây, Hồ Chí Minh đã đưa cách mạng

Việt Nam đi vào quỹ đạo quốc tế và trở thành bộ phận của phong trào cách mạng quốc tế.

Ngay sau ngày tuyên bố độc lập, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra “Thông cáo về chính sách đối ngoại” khẳng định mục tiêu phấn đấu cho “nền độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn”, mà tư tưởng cơ bản là thân thiện và hợp tác với tất cả các nước, từ các nước Đồng minh, các nước láng giềng, các dân tộc đang đấu tranh giải phóng cho đến nhân dân Pháp, kể cả kiều dân Pháp đều được bảo đảm sinh mệnh và tài sản nếu họ tôn trọng chủ quyền của Việt Nam. Người nhấn mạnh: “Mục đích của ta lúc này là tự do, độc lập... bạn của ta trong giai đoạn này tất cả những nước nào, những dân tộc hay lực lượng nào trên thế giới tán thành mục đích ấy, cùng ta chung một ý chí ấy”⁽¹¹⁾.

Sau khi giành được độc lập, Hồ Chí Minh chủ động xây đắp nên mối quan hệ “vừa là đồng chí vừa là anh em”. Ngay từ những năm 1940, Người đã khẳng định: “Trung - Việt, khác nào môi với răng. Nhớ rằng môi hở thì răng buốt, cứu Trung Quốc là tự cứu mình”⁽¹²⁾. Với các nước Đông Dương, Người chú ý xây dựng tình hữu nghị, hợp tác toàn diện, đoàn kết keo sơn trên cơ sở của những người cùng cảnh ngộ, chung kẻ thù, khát vọng độc lập, tự do. Mối quan hệ về chính trị, kinh tế và quân sự giữa Việt Nam, Lào và Campuchia trở nên khăng khít từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, nắm sứ mệnh lãnh đạo công cuộc giải phóng trong cả xứ Đông Dương thuộc địa. Ngay sau khi Việt Nam tuyên bố độc lập, Hồ Chí Minh đã tích cực xúc tiến việc hình thành liên minh chiến đấu giữa ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia. Tinh thần đoàn kết quốc tế cao cả, trong sáng và vô tư đó xuất phát từ nhu cầu khách quan góp sức cùng nhau đánh bại kẻ thù chung để bảo vệ sự tồn tại và phát triển của mỗi dân tộc.

Từ *đồng chí* không chỉ nói đến những hành động cách mạng vĩ đại, vì li tưởng, mà còn được thể hiện ngay trong cuộc sống. Trong cuộc sống, hai từ *đồng chí* còn thể hiện ở sự chia sẻ, ủng hộ, giúp nhau cùng tiến bộ. Đồng chí phải biết bao dung, độ lượng với nhau, không lời khuyêt điểm của nhau ra để hành hạ, mạ sát. Hồ Chí Minh

từng nói: “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều đóng góp của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có it hay nhiều lòng ái quốc”⁽¹³⁾.

Người yêu cầu phải thức tỉnh, tái tạo lương tâm, đánh thức những gì tốt đẹp trong con người. Theo Người, “mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người này nở như hoa mùa Xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người này nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời”⁽¹⁴⁾.

Hồ Chí Minh nhân mạnh, tinh đồng chí còn được thể hiện ở trách nhiệm của các thể hệ cán bộ, đảng viên đi trước đối với thế hệ cán bộ, đảng viên trẻ đi sau. Người quan niệm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, của nhiều thế hệ nối tiếp nhau được tổ chức và chuẩn bị. Lịch sử là cụ thể, còn cuộc đời mỗi con người là có hạn; mỗi thế hệ chỉ có thể đi hết một chặng trên con đường cách mạng đã lựa chọn. Người đã thấy rõ khả năng tối đa của thế hệ đi trước có thể làm được cũng như cái giới hạn tự nhiên mà thế hệ đó không thể vượt qua. Vì vậy, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là việc làm rất quan trọng và cần thiết. Nhưng, bồi dưỡng không có nghĩa là trao lại giàn đơn những gì đã có, mà trách nhiệm của thế hệ hôm nay là phải chuẩn bị cho lớp người mai sau những gì cần thiết một cách vững chắc và tốt đẹp. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh căn dặn, Đảng phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ sau những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Nếu không có tinh đồng chí thương yêu lẫn nhau thì ắt sẽ dẫn đến tư tưởng đố kỵ, hẹp hòi. Ở trong Đảng thì không biết cất nhắc những người tốt, sợ người ta hơn mình. Ở ngoài Đảng thì khinh người, cho ai cũng không cách mạng, dẫn tới việc người tài thì thiếu cơ hội cống hiến cho sự nghiệp của Đảng, dân tộc.

Về Trường Đảng, được học tập, nghiên cứu lí tưởng cộng sản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, nghiên cứu sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, tôi mới thực sự hiểu được hai từ *đồng chí*. Sự thiêng liêng, cao cả và ý nghĩa thực sự của hai từ ấy là sự định hướng lớn cho mỗi người cách mạng chúng ta. Công tác tại Trường Đảng 20 năm qua, tôi được học tập, phấn đấu, trưởng thành, được khẳng định mình trong môi trường thắm tình đồng chí. Ở đây, tôi hiểu được mục tiêu, lí tưởng mà mình đang phấn đấu, qua đó có chí hướng và quyết tâm cùng các đồng chí hiện thực hóa lí tưởng thành hiện thực. Tôi và những người đồng chí của tôi đang hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, chức trách góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Về công tác tại Trường Đảng, tôi được những người đồng chí ở các thể hệ giúp đỡ, tạo điều kiện để trưởng thành. Đó là những người Thầy, người Cô đáng kính truyền dạy cho tôi những giờ giảng hay, lòng nhiệt huyết và lòng yêu thương con người, yêu chủ nghĩa xã hội.

Tiếp nối các thế hệ Thầy, Cô ấy, ngày nay, thông qua những bài giảng, tôi đang truyền lại những lí tưởng, sự nhiệt huyết với các thế hệ học viên bằng cả lương tâm, trách nhiệm của mình. Tôi tin rằng, những đồng chí chúng ta sẽ vững bước trên con đường đã chọn, sẽ xây dựng thành công nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh! □

⁽¹³⁾Theo: Nguyễn Bá Dương, *Cõi nguồn và sứ mệnh của học thuyết Mác*. Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội. 2008, tr.56

⁽¹⁴⁾và⁽⁹⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2011, tr.96, 93 và 169

⁽²⁾Hồ Chí Minh, *Sđt*, tập 12, tr.563

⁽³⁾C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 21, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.1995, tr.438

⁽⁶⁾C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđt*, tập 19, tr.40

⁽⁷⁾Hồ Chí Minh, *Sđt*, tập 1, tr.284

⁽⁹⁾và⁽¹⁰⁾Hồ Chí Minh, *Sđt*, tập 2, tr.305 và 329

⁽¹⁴⁾Văn kiện Đảng, *Toàn tập*, tập 8. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, tr.437

⁽¹²⁾Hồ Chí Minh, *Sđt*, tập 3, tr.218

⁽¹³⁾Hồ Chí Minh, *Sđt*, tập 4, tr.280

⁽¹⁴⁾Hồ Chí Minh, *Sđt*, tập 15, tr.672